

Số: 05/2025/BC-VFC-KSNB
No: 05/2025/BC-VFC-KSNB

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025
Hanoi, 26 March 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN /ANNUALREPORT

NĂM 2024/YEAR 2024

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/State Securities Commission

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/Brief information

- Tên giao dịch/Trading name: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT (VFC)/VIETNAM FORTUNE MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY (VFC)**
- Giấy phép hoạt động số/Establishment and Operating License No: 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp/28/UBCK dated 25 January 2008 issued by State Securities Commission.
- Vốn điều lệ/Charter capital: 100.000.000.000 VNĐ/VND 100.000.000.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 100.000.000.000 VNĐ/VND 100.000.000.000
- Địa chỉ/Address: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, Số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội/ 11th Floor. Doji Tower Building, No. 5 Le Duan Street, Dien Bien Ward, Ba Dinh District, Hanoi.
- Số điện thoại/Tel: (024) 3941 0715
- Số fax/Fax: (024) 3941 0716
- Website: www.vietcat.com
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): Không/None
- Quá trình hình thành và phát triển/ Establishment and development process:
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vietnam Fortune Management Joint Stock Company was established and currently operating under Establishment and Operating License No 28/UBCK-GP dated 25th January 2008 issued by State Securities Commission.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau:

During the operation, the Company has been granted by State Securities Commission with the following amended Licenses as follow:

- (i) Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Amended License No 16/GPĐC-UBCK issued by State Securities Commission on 17th November 2014 about the changing of the legal representative

- (ii) Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 9 năm 2015 về việc:

Amended License No 25/GPĐC-UBCK UBCK issued by State Securities Commission on 18th September 2015 about:

- Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Supplementation of securities trading activity: securities investment consulting

- Thay đổi địa điểm trụ sở chính là Phòng 1201, Tầng 12, Tòa nhà Ruby Plaza, Số 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Changing of headquarters location to Room 1202, 12th Floor, Ruby Plaza Building, No. 44 Le Ngoc Han Street, Hai Ba Trung District, Hanoi.

- (iii) Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc:

Amended License No 35/GPĐC-UBCK issued by State Securities Commission on 31st May 2021 about:

- Thay đổi địa điểm trụ sở chính là Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, Số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Changing of headquarters location to 11th Floor, Doji Tower Building, No. 5 Le Duan Street, Dien Bien Ward, Ba Dinh District, Hanoi

- Thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Changing of Legal Representative.

- (iv) Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 05 năm 2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Amended License No 39/GPĐC-UBCK issued by State Securities Commission on 23rd May 2022 about the changing of Legal Representative.

- (v) Giấy phép điều chỉnh số 117/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Amended License No 117/GPĐC-UBCK issued by State Securities Commission on 29th November 2022 about the changing of Legal Representative.

- (vi) Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Amended License No 08/GPĐC-UBCK issued by State Securities Commission on 26th February 2024 about the adjustment of charter capital.

- (vii) Giấy phép điều chỉnh số 103/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Amended License No 103/GPĐC-UBCK issued by State Securities Commission on 30th December 2024 about the changing of Legal Representative.

- Các sự kiện khác: Không có.

Other events: None.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Business lines and location of business

- Ngành nghề kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Business lines: securities investment fund and securities investment company management, securities investment portfolio management, securities investment consulting.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty có trụ sở chính tại Hà Nội. Khách hàng của Công ty và nhà đầu tư của các Quỹ do Công ty quản lý phủ sóng khắp các tỉnh thành của Việt Nam.

Location of business: The Company's headquarters located in Hanoi. Clients of the Company and investors of the funds which are under the management of the Company are all accross Vietnam.

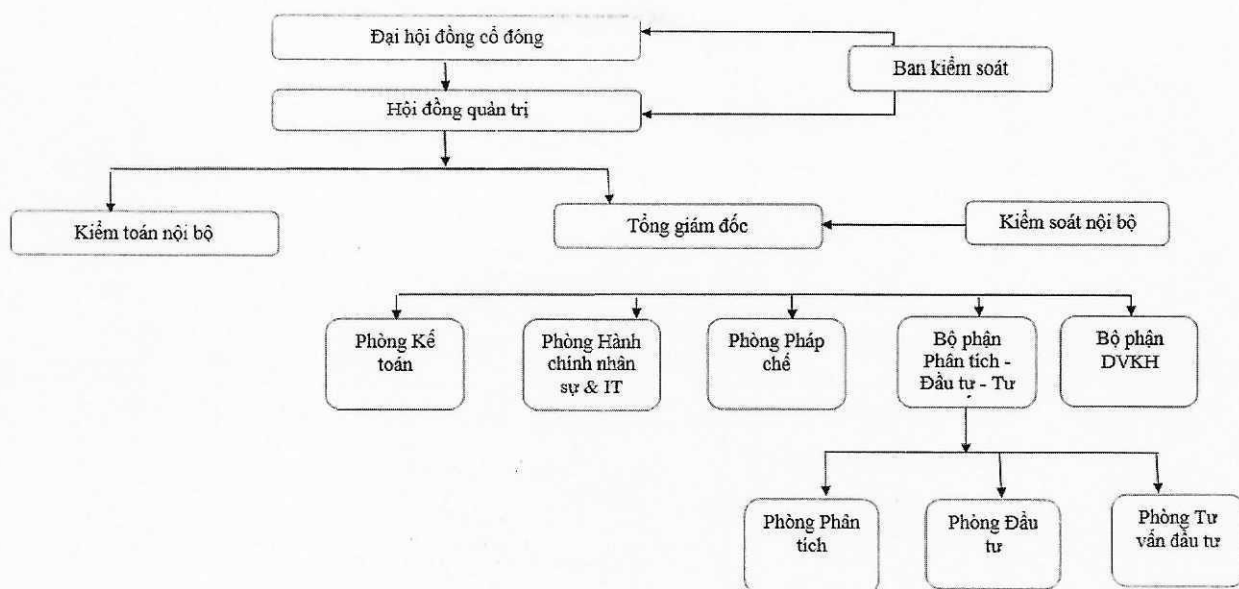
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc.

Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Management structure:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

Subsidiaries, associated companies: None.

4. Định hướng phát triển

Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Main objectives of the Company:

- Cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính đặc thù với chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp nhằm đem lại hiệu quả sử dụng vốn/tài sản cao nhất cho các khách hàng, nhà đầu tư và các cổ đông.

Providing specific financial products and services with professional service quality in order to achieve the most efficiency usage of capital/asset for clients, investors and shareholders.

- Xây dựng thương hiệu và năng lực cạnh tranh khác biệt.

Establishing unique brand and competitive ability.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Medium and Long-term development strategies:

- Mở rộng quy mô tài sản quản lý, phạm vi và địa bàn hoạt động, đa dạng hóa các loại hình quỹ đầu tư (quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ hưu trí, quỹ ETF...).

Improving the scale of managed assets, scope and area of operation, as well as diversifying the types of investment fund (private fund, close-end fund, open-end fund, pension fund, ETF fund).

- o Quản lý hiệu quả tài sản của các khách hàng.

Effectively managing clients' assets.

- Nâng cao năng lực quản trị và điều hành công ty.
Strengthening management and operation capability.
- *Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:*
Sustainable development objectives (environment, society, community) and primary agendas with regard to the medium-term and long-term objectives of the Company.
- (ii) Phát triển bền vững ổn định, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động cũng như cho xã hội; đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư, quản lý quỹ, điều hành và quản trị doanh nghiệp...
Sustainable and stable development, contribute to improving the material and spiritual living experiences of laborers as well as the society, at the same time fully obliging the regulations of law regarding investment, fund management, enterprise management and operation activities...
- 5. **Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty**
Risks which can affect the Company's business operation or objectives implementation
- *Rủi ro thị trường: là rủi ro trực tiếp hoặc gián tiếp đến từ mất mát hoặc những thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính do những biến động của giá thị trường của tài sản, nợ phải trả và công cụ tài chính.*
Market risks: are direct/indirect risk which generate from losses or negative changes from financial situation due to the fluctuation of assets' market value, financial liabilities and instruments.
- *Rủi ro đối tác phá sản: là rủi ro tổn thất hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của Công ty do sự vỡ nợ không mong muốn hoặc tình trạng tín dụng xấu đi của bên phát hành chứng khoán, các đối tác và khách hàng có nghĩa vụ thanh toán với Công ty trong vòng 12 tháng tới, trong trường hợp vẫn chưa được tính vào rủi ro tín dụng.*
Partners' bankruptcy risks: are risks or negative changes that happen to the Company due to the unwanted bankruptcy or deteriorated credit capacity of the securities's issuers, partners and clients which have payment obligation to the Company within the next 12 months, in case those risks are not counted into the credit risks category.
- *Rủi ro hoạt động: là rủi ro gây ra tổn thất do các nguyên nhân như con người, sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt các quy trình, hệ thống; các sự kiện khách quan bên ngoài.*
Operation risks: are risks that cause losses generated from human causes, the incomplete or inadequate execution of procedures, systems; other objective incidents.
- *Rủi ro chiến lược: là rủi ro từ các quyết định kinh doanh chiến lược phát sinh do không sửa đổi để phù hợp với môi trường kinh tế thay đổi.*
Strategy risks: are risks generate from the strategic business decisions due to the lack of adequate alterations to meet with the changes in the economic environment.
- *Rủi ro thanh toán: là rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.*

Payment risks: are risks happen when partners fail to make due-payment or fail to transfer assets under due-date as committed.

- *Rủi ro pháp lý: là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn do các quy định pháp luật thay đổi và do các nguyên nhân khác.*

Legal risks: are risks generate from the non-compliance of legal regulations related to business operation and the terminations of agreements due to the illegal nature of the agreements, beyond authorities, lack of terms or the incompleteness of standards due to the change of legal regulations and due to other causes.

II. Tình hình hoạt động trong năm

Operation status of the year

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Production and business operation status

Đơn vị: triệu đồng

Unit: million VND

STT/No	Chỉ tiêu/Item	Năm 2024/Year 2024
1	Doanh thu/Revenue	3.102
2	Chi phí HĐKD/ <i>Business operation costs</i>	1.572
3	LN gộp HĐKD (=1-2)/Gross profit of business operation (=1-2)	1.530
4	Doanh thu tài chính/ <i>financial revenue</i>	4.888
5	Chi phí tài chính/ <i>financial costs</i>	1.019
6	Chi phí quản lý DN/ <i>enterprise management costs</i>	4.888
7	LN thuần từ HĐKD (=3+4-5-6)/ Net profit of business operation (=3+4-5-6)	511
8	LN (lỗ) khác/ <i>other profit(loss)</i>	(315)
9	LNTT (=7+8)/ Before tax profit (=7+8)	196
10	LNST/After tax profit	182

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024: Doanh thu đạt 3,1 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 182,5 triệu đồng.

Production and business operation result of year 2024: Total revenue is billion VND 3,1. Profit after-tax is million VND 182,5.

- Tình hình thực hiện so với năm trước: Doanh thu thuần năm 2024 giảm 22,8% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 113,4% và các chi phí như chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý quản lý doanh nghiệp đều giảm so với cùng kỳ, do đó lợi nhuận sau thuế cải thiện đáng kể so với năm 2023 (tăng 112,4%).

Implementation situation in comparison with the previous year: Net revenue decreased by 22,8% yoy. However, revenue from financial activities increased by 113,4% and expenses

such as financial activities and business management expenses decreased compared to the same period, so profit after-tax improved significantly compared to 2023 (up 112,4% yoy).

- Đối với mảng quản lý quỹ, trong năm 2024, Quỹ Đầu tư Giá trị Việt (VVIF) đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng nhờ việc linh hoạt lựa chọn chiến lược đầu tư phù hợp với diễn biến thị trường. Cụ thể:

With regard to the fund management sector, within the year of 2024, Vietnam Value Investment Fund (VVIF) has reached an impressive growth rate thanks to the flexible strategic investments choices which is suited adequate to the market development.

Chỉ tiêu/Item	Tính đến 31/12/2024 Up to 31/12/2024
Tăng trưởng NAV/CCQ so với thời điểm thành lập Quỹ <i>NAV/CCQ growth compared to the time of Fund establishment</i>	56,44%

2. Tổ chức và nhân sự

Organization and Human resource

2.1. Danh sách Ban điều hành:

List of Board of Managment

- (i) (Bà) Võ Anh Tú: Tổng Giám Đốc.

(Mrs) Vo Anh Tu: General Director (CEO).

- (ii) Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác: Không có.

Ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers: None.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2024: Công ty không có thay đổi.

Changes in the Board of Management in the year of 2024: None.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2024: 13 người.

Number staffs up to 31 December 2024: 13 persons.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Chính sách đối với người lao động của VFC đáp ứng theo Luật Lao động Việt Nam với các chế độ lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ phù hợp với từng vị trí chuyên môn của cán bộ, nhân viên.

Brief information and changes on the labor policies: Labor policies of VFC comply with the labor regulations of Vietnam with appropriate salary, bonus, benefits suited for specific professional positions of the staffs.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Investment, projects implementation status

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn của VFC đã được thuyết minh cụ thể tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, được đăng tải tại website của Công ty. Cụ thể:

Long-term and short-term financial investments of VFC has been specifically explained in the Audited financial statements of 2024, which has been posted on the Company's website. In particular:

- 3.1. Các khoản đầu tư lớn: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Major investments: Financial investments of the Company include trading securities, held-to-maturity investments and investments into capital instruments of other entities.

(i) Chứng khoán kinh doanh

Trading securities

- Chứng khoán kinh doanh phản ánh các khoản chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Trading securities has reflected the securities held for trading purpose (including securities with maturity of more than 12 months purchased for profit earning), including: stocks, bonds listed on securities market.

- Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Trading securities are recorded in the accounting books by original price, including purchase price plus costs directly related to the transaction of purchasing trading securities (if any) such as brokerage, transaction, information provision, tax, fees and bank charges. The cost of trading securities is determined at the fair value of the payments at the time the transaction occurs. The time of recording trading securities is the time of ownership, specifically: Listed securities are recorded at the time of order matching (T+0); Unlisted securities are recorded as having ownership according to the provisions of law.

- Các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị đầu tư. Khi cổ tức được nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Income from securities investment activities is recorded in financial revenue in the period. Dividends distributed for the period before the investment date are recorded as a reduction in investment value. When dividends are received in shares, the Company only tracks the number of additional shares, not recording the value of the shares received.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chứng tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Provision for devaluation of trading securities is made when the market price of trading securities falls below their book value at the date of the Financial Statements. Increase or decrease in the provision for devaluation of trading securities is recorded in financial expenses during the period.

- Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị.

All stock exchanges must be valued at fair value on the date of exchange. hợp lý tại ngày trao đổi.

- Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân theo từng lần mua).

When liquidating or selling trading securities (calculated by type of securities), the cost price is determined by the moving weighted average method (average for each purchase).

(ii) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Held-to-maturity investments

- Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Investments are classified as held-to-maturity when the Company has the intention and ability to hold them until maturity. Held-to-maturity investments include: term bank deposits.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Held-to-maturity investments are initially recognized by original price, which includes the purchase price and any costs directly attributable to the acquisition of the investments.

- Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Income from held-to-maturity investments is recognized in financial income for the period.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng

thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

For held-to-maturity investments, if provisions for doubtful debts have not been made in accordance with the law, the Company will assess the recoverability. When there is strong evidence that part or all of the investment may not be recovered and the amount of loss can be reliably determined, the loss is recorded in financial expenses in the period and the investment value is directly deducted.

- Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Profits/losses on the disposal or sale of investments held to maturity are recognised in the Income Statement for the period.

(iii) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Investment in capital instruments of other entities

- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Investments in capital instruments of other entities include investments in capital instruments but the Company does not have control, joint control or significant influence over the investee.

- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Investments in capital instruments of other entities are initially recorded by original price principal, including purchase price plus costs directly attributable to the investment.

- Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dividends and profits from investments in capital instruments of other entities are recorded in financial income in the period. Dividends and profits from periods prior to the investment being purchased are recognised as a reduction in the value of the investment itself. Dividends received in shares are only tracked by the number of shares increased, not the value of the shares received.

- Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Increase or decrease in the provision for investment losses in capital instruments of other entities that need to be set up at the date of the Financial Statement is recorded in financial expenses in the period.

- Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Profits/losses on liquidation or sale of investments in capital instruments of other entities are recorded in the Income Statement for the period.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

Subsidiaries, associated companies: None.

4. Tình hình tài chính *Financial situation*

4.1. Tình hình tài chính

Financial situation

Đơn vị: đồng

Unit: VND

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Năm 2023 <i>Year 2023</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	% tăng giảm <i>% growth</i>
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: <i>Applicable for organizations other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	26.313.179.733	101.545.636.785	285,91%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	4.017.756.050	3.101.873.202	-22,80%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh/ <i>Gross profit from business activities</i>	2.696.405.086	1.529.867.121	-43,26%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profit</i>	(47.543.215)	(314.974.409)	-562,50%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before-tax</i>	(1.419.585.018)	195.853.397	113,80%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit After-tax</i>	(1.473.722.884)	182.478.856	112,38%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	-	-	-

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất): Không có.

Other figures: (depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years): None.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Major financial indicators

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Năm 2023 <i>Year 2023</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	Ghi chú <i>Note</i>
<p>1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset – Inventories)/ Short term Debt</i></p>	<p>31,39 (lần)/(times)</p> <p>31,39 (lần)/(times)</p>	<p>116,29 (lần)/(times)</p> <p>116,29 (lần)/(times)</p>	
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ Capital structure ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản <i>Debt/Total assets ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu <i>(Debt/Owner's Equity ratio)</i></p>	<p>3,11%</p> <p>3,21%</p>	<p>0,86%</p> <p>0,86%</p>	
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover</i>: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân/<i>Cost of goods sold/Average inventor</i></p> <p>+ Vòng quay tổng tài sản/<i>Total asset turnover</i>: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân <i>Net revenue/ Average Total Assets</i></p>	<p>-</p> <p>0,15 (lần)/(times)</p>	<p>-</p> <p>0,05 (lần)/(times)</p>	
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <i>After-tax profit/Net revenue ratio</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <i>After-tax profit/Total capital ratio</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản <i>After-tax profit/Total asset ratio</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần <i>Profit from business activities/Net revenue ratio</i></p>	<p>-36,68%</p> <p>-5,78%</p> <p>-5,60%</p> <p>67,11%</p>	<p>5,88%</p> <p>0,18%</p> <p>0,18%</p> <p>49,32%</p>	

5. **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**
Shareholders structure, change in the owner's equity
- 5.1. Cổ phần/shares

- Tổng số cổ phần đang lưu hành/*Total number of floating shares*: 10.000.000 cổ phần/*10.000.000 shares*.
 - Loại cổ phần/*Type of shares*: cổ phần phổ thông/*common shares*.
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/*Number of freely transferable shares*: 2.500.000 cổ phần/*2.500.000 shares*.
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/*Number of restricted from transferring shares*: 7.500.000 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 29/01/2025/*7.500.000 shares are restricted from transferring until 29 January 2025*.
 - Mệnh giá cổ phần/*Shares' book value*: 10.000 đồng/cổ phần/*VND 10.000 per share*.
- 5.2. Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*

Loại cổ đông <i>Type of shareholders</i>	Tỷ lệ sở hữu <i>Ownership ratio</i>
Cổ đông lớn/ <i>Major shareholder</i>	99,9%
Cổ đông nhỏ/ <i>Minority shareholder</i>	0,1%
Cổ đông tổ chức/ <i>Institutional shareholder</i>	1/3
Cổ đông cá nhân/ <i>Individual shareholder</i>	2/3
Cổ đông trong nước/ <i>Domestic shareholder</i>	100%
Cổ đông nước ngoài/ <i>Foreign shareholder</i>	0%
Cổ đông nhà nước/ <i>State shareholder</i>	0%
Cổ đông khác/ <i>Other shareholder</i>	0%

- 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng trong năm 2024.
Change in the owner's equity: Within the year of 2024, the charter capital had increased from VND 25,000,000,000 to VND 100,000,000,000.
- 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
Transaction of treasury stocks: None.
- 5.5. Các chứng khoán khác: Không có.
Other securities: None.
- 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**
Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company
- 6.1. Tác động lên môi trường: Không có.
Environmental impact: None
- 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không có.
Management of raw materials: None

- 6.3. Tiêu thụ năng lượng: Không có.
Energy consumption: None.
- 6.4. Tiêu thụ nước: Không có.
Water consumption: None.
- 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
Compliance with the law on environmental protection
- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
Number of times the Company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: None
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: None.
- 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động
Policies related to employees
- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
Number of employees, average wages of employees
- Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2024: 13 người.
Number of employees accounted up to 31 December 2024: 13 persons.
 - Mức lương trung bình: Công ty áp dụng chính sách thu nhập cạnh tranh, phù hợp với năng lực và kết quả thực hiện công việc của từng nhân viên.
Average wages of employees: The Company applies a competitive income policy, suitable for the capacity and work performance of each employee.
- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty luôn đảm bảo chính sách lao động và quyền lợi tốt nhất cho người lao động. Người lao động được mua bảo hiểm sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ hàng năm và được đóng bảo hiểm đầy đủ, được nghỉ phép và nghỉ chế độ theo đúng quy định của pháp luật.
Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers: The Company always ensures the best labor policies and benefits for employees. Employees are covered by health insurance, have annual health check-ups, are fully insured, and are entitled to leave and benefits in accordance with the law.
- c. Hoạt động đào tạo người lao động
Employee training
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Công ty tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để nâng cao kiến thức, kỹ năng cho nhân viên.

The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff: The Company organizes internal training sessions to improve employees' knowledge and skills.

- d. Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty hỗ trợ toàn bộ nhân viên tham gia các khóa học chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán tổ chức. Đặc biệt đối với các nhân viên nghiệp vụ, yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp với công việc, nhiệm vụ được giao và hỗ trợ nhân viên trong các chương trình đào tạo chứng chỉ chuyên môn khác.

The skills development and continuous learning program to support employees' employment and career development: The Company supports all employees to participate in fund management certificate courses organized by the Securities Research and Training Center. Especially for professional staff, it is required to have a professional certificate appropriate to the assigned work and tasks and support staff in other professional certificate training programs.

- e. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Report on responsibility for local community

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty tích cực tham gia các phong trào, hoạt động tập thể do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức các hoạt động từ thiện, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service: The Company actively participates in movements and collective activities organized by competent State authorities. In addition, the Company also organizes charity activities to help people in difficult circumstances.

- f. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

Report on green capital market activities under the guidance of the SSC: None.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Reports and assessments of the Board of Management (the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every aspect)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Assessment of business operation results

- Doanh thu thuần năm 2024 giảm 22,8% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 113,4% và các chi phí như chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý quản lý doanh nghiệp đều giảm so với cùng kỳ, do đó lợi nhuận sau thuế cải thiện đáng kể so với năm 2023 (tăng 112,4%).

Net revenue decreased by 22,8% yoy. However, revenue from financial activities increased by 113,4% and expenses such as financial activities and business management expenses decreased compared to the same period, so profit after-tax improved significantly compared to 2023 (up 112,4% yoy).

- Với thế mạnh trong việc quản lý tài sản, VFC vẫn phát huy năng lực truyền thống của mình thông qua hoạt động quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng. Trong đó, hoạt động ủy thác trên cơ sở đầu tư đa dạng từ cổ phiếu, trái phiếu và các loại tài sản khác, tùy theo nhu cầu và khẩu vị của từng nhà đầu tư.

With its strength in asset management, VFC still exercises its traditional capacity through portfolio management activities for clients. In which, the trust activities are based on diversified investments from stocks, bonds and other types of assets, depending on the needs and tastes of each investor.

- Đối với mảng quản lý quỹ, trong năm 2024, Quỹ thành viên VVIF đã đạt mức tăng trưởng vượt trội. NAV/CCQ đã tăng 56,44% so với thời điểm thành lập. Kết quả tăng trưởng ấn tượng nhờ việc có những kế hoạch và chiến lược đầu tư linh hoạt phù hợp với diễn biến của thị trường.

Regarding fund management, in 2024, VVIF Member Fund has achieved outstanding growth. NAV/CCQ has increased by 56,44% compared to the time of establishment. Impressive growth results thanks to flexible investment plans and strategies that adapt to market developments

2. Tình hình tài chính

Financial Situation

2.1. Tình hình tài sản

Assets

- Tổng tài sản của Công ty năm 2024 đạt 101,55 tỷ đồng, tăng 75,23 tỷ đồng, tương đương tăng 285,91% so với năm 2023.

The total assets of the Company in the year of 2024 is billion VND 101,55, increased of billion VND 75,23, equivalent to an increase of 285,91% in comparison with the year of 2023.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Liabilities

- Trong năm 2024, Công ty không sử dụng bất kỳ nguồn vốn tín dụng hoặc vốn vay nào, đồng thời các khoản nợ phải trả có giá trị rất nhỏ (chỉ chiếm 0,86% tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2024) do đó có thể đánh giá tình hình tài chính của Công ty tương đối ổn định và ít rủi ro.

In 2024, the Company had not used any credit/loan sources, and the value of liabilities is very minor (accounting for only 0,86% of the Company's total assets as of December 31st, 2024), so it can be assessed that the Company's financial situation is relatively stable and has little risk.

- Trong năm 2024, Công ty luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính trên 180%, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đảm bảo cho hoạt động thường xuyên liên tục của Công ty.

In 2024, the Company always ensures a financial safety ratio of over 180%, complies with legal regulations and ensures the Company's continuous regular operations.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Improvements in organizational structure, policies, and management

- Hoàn thiện các quy định nội bộ quan trọng về quản lý tài chính nhằm nâng cao quản trị tài chính.

Improve key internal financial management regulations to enhance financial governance

- Hoàn thiện phương pháp đánh giá nhân viên gắn với chính sách đãi ngộ để tạo cơ chế khuyến khích phù hợp, nâng cao cả quyền lợi và trách nhiệm của nhân viên.

Perfecting employee evaluation methods associated with benefits policies to create appropriate incentive mechanisms, enhancing both employee rights and responsibilities.

- Hoàn thiện mô hình tổ chức phù hợp với các định hướng trung và dài hạn của Công ty.

Perfecting the organizational model in line with the Company's medium and long-term orientations.

- Gia tăng các hoạt động giám sát để đảm bảo đánh giá đúng hiệu quả làm việc của nhân viên và các bộ phận trong Công ty.

Increase monitoring activities to ensure proper assessment of the performance of employees and departments within the Company..

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Development plans in the future

- Tiếp tục quản lý hiệu quả dòng tiền, đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính hoàn thành kế hoạch kinh doanh của năm.

Continue to effectively manage cash flow, ensuring profits from financial investment activities to complete this year's business plan.

- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư, xây dựng sản phẩm đầu tư phù hợp với đặc thù hoạt động, khẩu vị rủi ro của khách hàng để tư vấn khách hàng đầu tư hiệu quả.

Continue to seek investment opportunities, build investment products suitable to the characteristics of operations and risk tastes of clients to advise clients on effective investment.

- Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm để tự động hóa hệ thống báo cáo, quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Invest in developing information technology systems and software to automate reporting and management systems, improving operational efficiency.

- Thành lập thêm các quỹ đầu tư thuộc nhiều loại hình khác nhau để phù hợp với khẩu vị đầu tư đa dạng của khách hàng, đáp ứng xu hướng phát triển của thị trường.

Establish more investment funds of different types to suit clients' diverse investment tastes, as well as adapt to the development orientation of the market.



5. **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần):** Không có.

Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified): None.

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

- 6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty thực hiện theo đúng quy định của Ban Quản lý tòa nhà cũng như các quy định của pháp luật liên quan.

Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.): The Company complies with the regulations of the Building Management Committee as well as relevant legal regulations.

- 6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn đảm bảo quyền lợi của người lao động theo Bộ luật Lao động, đóng đầy đủ bảo hiểm bắt buộc theo quy định. Ngoài ra, Công ty cũng mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức chương trình nghỉ mát hàng năm cho CBNV.

Assessment concerning the labor issues: The Company always ensures the rights of employees according to the Labor Code, fully paying compulsory insurance according to regulations. In addition, the Company also buys health insurance for employees, organizes periodic health check-ups, and organizes annual vacation programs for employees.

- 6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cũng như yêu cầu của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở chính.

Assessment concerning the corporate responsibility for the local community: The Company fully performs the obligations and requirements of the locality where the Company's headquarters is located.

- IV. **Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. **Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities

- Công Ty đã triển khai các giải pháp linh hoạt, sáng tạo để hoàn các nhiệm vụ được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024 đặt ra.

The Company has implemented flexible and creative solutions to complete the tasks set by the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.

- Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro. Do đó, các khoản đầu tư của Công Ty luôn được theo dõi chặt chẽ, đảm bảo an toàn và hiệu quả.

The Board of Directors and the General Director always pay attention to risk management. Therefore, the Company's investments are always closely monitored, ensuring safety and efficiency.

- Công Ty đã hoàn thành trách nhiệm của mình đối với môi trường và xã hội, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

The Company has fulfilled its responsibilities to the environment and society, strictly complying with the provisions of the law.

2. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance

- Hội Đồng Quản Trị thường xuyên kiểm tra, giám sát Tổng Giám Đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; đồng thời, phối hợp với Tổng Giám Đốc và những người quản lý Công Ty kịp thời có các biện pháp, hành động phù hợp đối với hoạt động kinh doanh để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh của Công Ty đề ra.

The Board of Directors regularly inspects and supervises the General Director in implementing the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors; at the same time, coordinates with the General Director and the Company's managers to promptly take appropriate measures and actions for business activities to ensure the completion of the Company's business targets.

- Hội Đồng Quản Trị đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát Tổng Giám Đốc và những người quản lý Công Ty trong việc chấp hành đầy đủ và nghiêm túc toàn bộ các quy định, quy chế nội bộ của Công Ty và quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công Ty.

The Board of Directors has directed, inspected and supervised the General Director and the Company's managers in fully and seriously complying with all internal regulations and rules of the Company and current legal regulations related to corporate governance and business tasks of the Company.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Plans and orientations of the Board of Directors

- Tiếp tục đề cao nguyên tắc kinh doanh bền vững, tối ưu lợi nhuận và vốn, khai thác triệt để các cơ hội thị trường để kinh doanh có lãi và tiếp tục củng cố đội ngũ, nâng cao chất lượng nhân sự nhằm hoàn thành các mục tiêu kinh doanh do Đại Hội Đồng Cổ Đông đề ra.

Continue to promote the principles of sustainable business, optimize profits and capital, fully exploit market opportunities for profitable business and continue to strengthen the team, improve the quality of human resources to complete the business goals set by the General Meeting of Shareholders.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong lĩnh vực kế toán, trong hoạt động vận hành nghiệp vụ, trong các hoạt động truyền thông/quảng cáo để mở rộng thương hiệu Công Ty.

Strongly apply information technology in the field of accounting, in business operations, in communication/advertising activities to expand the Company's brand.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Điều Lệ Công Ty, Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám Đốc nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.

Continue to carry out assigned tasks and powers as prescribed in the Company's Charter, Resolution of the General Meeting of Shareholders, closely coordinate with the General Director to complete the assigned business plan.

V. Quản trị công ty

Corporate governance

1. Hội Đồng Quản Trị

Board of Directors

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội Đồng Quản Trị

Members and structure of the Board of Directors

STT No	Họ và tên Full Name	Chức vụ trong HĐQT Position within the BOD	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty Ownership ratio of the Company's shares	Chức danh quản lý tại công ty khác Managing position at other companies
1	Ông Nguyễn Việt Anh <i>Mr. Nguyen Viet Anh</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>	0%	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TPBank <i>Deputy General Director of TPBank</i>
2	Bà Võ Anh Tú <i>Mrs. Vo Anh Tu</i>	Thành viên HĐQT <i>Member</i>	0%	- Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công Ty Cổ Phần Viettronics Đông Đa <i>Board of Directors members - Vietnam Electronics and Informatics Corporation.</i> - Trưởng Ban Kiểm Soát- Công Ty Cổ Phần Điện Máy Todimax JSC <i>Head of the Supervisory Board – Electric Machine Joint Stock Company.</i>
3	Ông Phạm Huy Trung <i>Mr. Pham Huy Trung</i>	Thành viên HĐQT <i>Member</i>	0%	Không <i>None</i>

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị: Không có.

Sub-committees of BOD: None

- 1.3. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị: Trong năm 2024, thực hiện theo quy định của Điều Lệ Công Ty, quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị và quy định của pháp luật có liên quan, Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức 13 cuộc họp và ban hành các văn bản như sau:

Activities of the Board of Directors: In 2024, in accordance with the provisions of the Company Charter, the Board of Directors' operating regulations and relevant legal provisions, the Board of Directors held 13 meetings and issued the following documents:

STT No	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision Number	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Rate of Approval
1	01/2024/NQ-HĐQT	01/02/2024	Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 <i>Organizing the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	15/02/2024	Thông qua việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ của Công ty <i>Approve the registration of changes in charter capital and amendments to the Company's Charter</i>	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT	15/02/2024	Thông qua việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty <i>Approve the use of capital raised from the Company's private offering of shares</i>	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT	13/03/2024	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 <i>Change of time to hold the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT	29/03/2024	Thông qua việc đầu tư Chứng chỉ tiền gửi từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty <i>Approve the investment in Certificates of Deposit from the Company's equity.</i>	100%
6	06/2024/NQ-HĐQT	05/04/2024	Thông qua việc đầu tư Chứng chỉ tiền gửi từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty <i>Approve the investment in Certificates of Deposit from the Company's equity.</i>	100%
7	01/2024/QĐ-HĐQT	15/04/2024	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông và đề cử người phụ trách kiểm phiếu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 <i>Establish a shareholder qualification inspection committee and nominate a</i>	100%

STT No	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision Number</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Rate of Approval</i>
			<i>person in charge of counting votes for the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i>	
8	07/2024/NQ-HĐQT	16/04/2024	Bầu Chủ tịch HĐQT và thông qua Quy chế hoạt động HĐQT <i>Electing the Chairman of the Board of Directors and approving the Board of Directors' Operating Regulations</i>	100%
9	02/2024/QĐ-HĐQT	16/04/2024	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT <i>Issue the BOD's Operating Regulations</i>	100%
10	02a/2024/QĐ-HĐQT	17/04/2024	Phân công người chịu trách nhiệm về Phòng chống rửa tiền <i>Assignment of person in charge of anti money laundering regulation</i>	100%
11	02b/2024/QĐ-HĐQT	16/04/2024	Thông qua cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty <i>Approve the new organization chart</i>	100%
12	08/2024/NQ-HĐQT	12/06/2024	Chiến lược đầu tư và tiêu chí lựa chọn cổ phiếu cho hoạt động tự doanh của Công ty với mục tiêu đầu tư trung – dài hạn <i>Investment strategy and criteria for selecting stocks for the Company's proprietary trading activities with medium- and long-term investment goals</i>	100%
13	09/2024/NQ-HĐQT	26/06/2024	Thông qua lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính Năm 2024 <i>Approve the selection of the Company to audit the Financial Statements and Financial Safety Ratio Report for 2024</i>	100%
14	03/2024/QĐ-HĐQT	24/07/2024	Ban hành Quy chế kiểm soát nội bộ <i>Issuance of internal control regulation</i>	100%
15	04/2024/QĐ-HĐQT	24/07/2024	Ban hành chiến lược Chính sách Quản trị rủi ro <i>Issuance of risk management policy</i>	100%
16	10/2024/NQ-HĐQT	24/07/2024	- Thông qua toàn văn chiến lược, chính sách quản trị rủi ro <i>Approve the risk management strategy and policy</i>	100%

STT No	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision Number</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Rate of Approval</i>
			- Thông qua toàn văn Quy chế Kiểm soát rủi ro <i>Approve the risk management regulation</i>	
17	11/2024/NQ-HĐQT	26/07/2024	Thông qua Quy chế phòng chống rửa tiền <i>Approve the anti money laundering regulation</i>	100%
18	11a/2024/QĐ-VFC-CT	26/07/2024	Ban hành Quy chế Phòng, chống rửa tiền <i>Issuance of anti money laundering regulation</i>	100%
19	12/2024/NQ-HĐQT	11/11/2024	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần thứ nhất năm 2024 <i>Approve the first written shareholder consultation in 2024</i>	100%
20	18/2024/QĐ-VFC-CT	14/11/2024	Thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ <i>Establish the internal audit unit</i>	100%
21	19/2024/QĐ-VFC-CT	14/11/2024	Bổ nhiệm chức danh Người phụ trách kiểm toán nội bộ <i>Appointment of Internal Auditor</i>	100%
22	20/2024/QĐ-VFC-CT	14/11/2024	Thông qua cơ cấu tổ chức hoạt động mới của Công ty <i>Approve the new organization chart</i>	100%

- 1.4. Hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

Activities of the Board of Directors independent members. Activities of the Board of Directors' subcommittees: None.

- 1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year: None.

2. Ban Kiểm soát

Board of Supervisors

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Members and structure of the Board of Supervisors

STT No	Họ và tên Full name	Chức vụ trong Ban Kiểm soát Position within the Board of Supervisors	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty Managing position at other companies
1	Ông Ngô Trung Dũng <i>Mr. Ngo Trung Dung</i>	Trưởng Ban Kiểm soát <i>Head of Board of Supervisors</i>	0%
2	Bà Hoàng Khánh Ly <i>Ms. Hoang Khanh Ly</i>	Thành viên Ban Kiểm soát <i>Member</i>	0%
3	Bà Nguyễn Thùy Anh <i>Ms. Nguyen Thuy Anh</i>	Thành viên Ban Kiểm soát <i>Member</i>	0%

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2024, thực hiện theo quy định của Điều Lệ Công Ty, quy chế hoạt động Ban Kiểm soát và quy định của pháp luật có liên quan, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp và ban hành các văn bản như sau:

Activities of the Board of Supervisors: In 2024, in accordance with the provisions of the Company Charter, the regulations on the operation of the Board of Supervisors and relevant legal provisions, the Board of Supervisors held 03 meetings and issued the following documents:

STT No	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision Number	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Rate of Approval
1	01/2024/NQ-BKS	16/04/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bầu Ông Ngô Trung Dũng giữ chức danh Trưởng BKS nhiệm kỳ 2024-2029. <i>Approving the election of Mr. Ngo Trung Dung to hold the position of Head of the Board of Supervisors for the 2024-2029 term.</i> - Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của BKS. Giao cho Ông Ngô Trung Dũng – Trưởng BKS ký Quyết định ban hành Quy chế. <i>Approving the full text of the Regulations on the operation of the Supervisory Board. Assigning Mr. Ngo Trung Dung - Head of the Supervisory Board to sign the Decision to promulgate the Regulations.</i> 	100%

STT No	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision Number</i>	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua <i>Rate of Approval</i>
02	01/BB-BKS	26/08/2024	- Khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của VFC 06 tháng đầu năm 2024. <i>Brief report on VFC's business operation of 2nd Quarter of year 2024</i>	Nội dung không yêu cầu phải biểu quyết <i>Content did not require voting</i>
03	02/2024/BBH-VFC-BKS	20/12/2024	- Khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của VFC 11 tháng đầu năm 2024 <i>Brief report on VFC's business operation up until November 2024</i>	Nội dung không yêu cầu phải biểu quyết <i>Content did not require voting</i>

2.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2024 tổng cộng là 2.318.443.285 VNĐ. Việc chi trả thu nhập tuân thủ theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các quy định nội bộ của Công ty.

The total salary, bonus, remuneration and benefits of the Board of Directors, the Board of Management and the Board of Supervisors in 2024 is VND 2.318.443.285. The payment of income complies with the resolution of the General Meeting of Shareholders and the Company's internal regulations.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc như sau:

Salary, bonus, remuneration, other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, member of the Board of Supervisors, and General Director are as follows:

Chức danh <i>Position</i>	Số người <i>Number of staff</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	Ghi chú <i>Note</i>
		Số tiền (VNĐ) <i>Amount (VND)</i>	
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị <i>Chairman</i>	02	140.771.623	
Bà Nguyễn Thị Huyền (Miễn nhiệm kể từ ngày 16/04/2024) <i>Mrs Nguyen Thi Huyen</i> (Resigned on 16 April, 2024)		40.597.710	- Thù lao HĐQT kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 15/04/2024 <i>Board of Directors' income from 01/01/2024 to 15/04/2024;</i>
Ông Nguyễn Việt Anh (Bổ nhiệm kể từ ngày 16/04/2024) <i>Mr Nguyen Viet Anh</i> (Appointed on 16 April, 2024)		100.173.913	- Thù lao HĐQT kể từ ngày 16/04/2024 đến hết ngày 31/12/2024 <i>Board of Directors' income from 16/04/2024 to 31/12/2024.</i>
Thành viên Hội Đồng Quản Trị <i>Member of BOD</i>	04	107.362.315	
- Bà Trần Thị Mai Quỳnh (Miễn nhiệm kể từ ngày 16/04/2024) <i>Mrs Tran Thi Mai Quynh</i> (Resigned on 16 April, 2024)		20.289.853	- Thù lao HĐQT kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 15/04/2024 <i>Board of Directors' income from 01/01/2024 to 15/04/2024;</i>
- Bà Nguyễn Thị Thu Hương (Miễn nhiệm kể từ ngày 16/04/2024) <i>Mrs Nguyen Thi Thu Huong</i> (Resigned on 16 April, 2024)		20.289.853	Thù lao HĐQT kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 15/04/2024 <i>Board of Directors' income from 01/01/2024 to 15/04/2024;</i>
- Ông Phạm Huy Trung (Bổ nhiệm kể từ ngày 16/04/2024)		66.782.609	Thù lao HĐQT kể từ ngày 16/04/2024 đến hết ngày 31/12/2024

<i>Mr Phạm Huy Trung</i> (Appointed on 16 April, 2024)			<i>Board of Directors' income from 16/01/2024 to 31/12/2024.</i>
- Bà Võ Anh Tú (Bổ nhiệm kể từ ngày 16/04/2024) <i>Mrs Vo Anh Tu</i> (Appointed on 16 April, 2024)		0	- Không phát sinh <i>None.</i>
Trưởng Ban Kiểm soát (BKS) <i>Head of Board of Supervisors</i> Ông Ngô Trung Dũng (Bổ nhiệm kể từ ngày 16/04/2024) <i>Mr Ngo Trung Dung</i> (Appointed on 16 April, 2024)	01	41.739.130	Thù lao BKS kể từ ngày 16/04/2024 đến hết 31/12/2024 <i>Board of Supervisors' income from 16/04/2024 to 31/12/2024.</i>
Thành viên Ban Kiểm soát <i>Member of Board of Supervisors</i>	02	50.086.956	
- Bà Hoàng Khánh Ly (Bổ nhiệm kể từ ngày 16/04/2024) <i>Mrs Hoang Khanh Ly</i> (Appointed on 16 April, 2024)		25.043.47	Thù lao BKS kể từ ngày 16/04/2024 đến hết 31/12/2024 <i>Board of Supervisors' income from 16/04/2024 to 31/12/2024.</i>
- Bà Nguyễn Thùy Anh (Bổ nhiệm kể từ ngày 16/04/2024) <i>Mr Nguyen Thuy Anh</i> (Appointed on 16 April, 2024)		25.043.47	Thù lao BKS kể từ ngày 16/04/2024 đến hết ngày 31/12/2024 <i>Board of Supervisors' income from 16/04/2024 to 31/12/2024.</i>
Tổng Giám đốc <i>CEO</i>	01	1.978.483.26	Thu nhập Ban Tổng Giám đốc <i>Income of the Board of General Directors</i>

- b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán

bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

Share transactions by internal shareholders (Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons)

- Ngày 30/01/2024, Ngân hàng TMCP Tiên Phong mua 7.500.000 cổ phần phát hành riêng lẻ, sở hữu 75% vốn điều lệ và trở thành công ty mẹ của VFC.

On January 30, 2024, Tien Phong Commercial Joint Stock Bank purchased 7.500.000 privately issued shares, owning 75% of charter capital and becoming the parent company of VFC.

- Ngày 28/03/2024, Ngân hàng TMCP Tiên Phong mua 2.490.000 cổ phần từ các cổ đông khác, sở hữu 99,9% vốn điều lệ VFC.

On March 28, 2024, Tien Phong Commercial Joint Stock Bank purchased 2.490.000 shares from other shareholders, owning 99,9% of VFC's charter capital.

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Contracts or transactions with internal shareholders: Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the company, subsidiaries, and other companies in which the company holds the control right.

- Lãi tiền gửi không kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng TPBank (là người có liên quan của Ông Nguyễn Việt Anh – Chủ tịch HĐQT Công ty) trong năm 2024 là 2.128.652 đồng.
The Company's non-term deposit interest at TPBank (affiliated person of Mr. Nguyen Viet Anh – Chairman of the Company) in 2024 is VND 2,128,652.

- d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn tuân thủ các quy định nội bộ cũng như quy định của pháp luật về quản trị công ty.

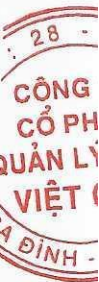
Assessment on the implementation of regulations on corporate governance: The Company always complies with internal regulations as well as legal regulations on corporate governance.

VI. Báo cáo tài chính

Financial Statement

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC với ý kiến “chấp nhận toàn phần”.

Audit opinion: The Company's 2024 financial statements have been audited by AASC Auditing Company Limited with an "unqualified" opinion.



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Công ty đã công bố thông tin và đăng tải trên trang website của Công ty www.vietcat.com.

Audited financial statements: The Company has disclosed information and posted it on the Company's website www.vietcat.com

Nơi nhận/Recipient:

- UBCKNN/SSC;
- Lưu/Save: P.Đầu tư, KSNB, VT/Investment Dept, Internal Control, Office.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**
clj
**REPRESENTATIVE OF VIETNAM
FORTUNE FUND MANAGEMENT
JOINT STOCK COMPANY**

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ ANH TÚ

